

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

QUYỂN 4

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tu tập trí tuệ hội nhập nơi các pháp, nên không có chỗ chấp trước, đó gọi là trí tuệ. Có mười sáu việc không hòa hợp với trí tuệ. Những gì là mười sáu? Do vô minh nên sinh khởi nhị biên. Từ sinh đến lão, tử đều khác với trí tuệ. Những việc đã làm cũng không đồng với ngoại cảnh, cũng không xen lẫn với sáu mươi hai kiến chấp. Không tự kiêu, cũng không tự ti, có lợi ích hay không có lợi ích, khen ngợi hoặc chê bai, có tiếng tăm hoặc không có tiếng tăm, khổ hoặc vui, luôn vượt qua tám việc của thế tục. Cao ngạo, tự đại, khiêm tốn, kính nhường, hai mươi một việc của thế gian cũng không hòa đồng. Loại trừ phiền não, không ngu tối nên dù thức hay ngủ đều thoát khỏi mọi sợ hãi, không gắn chặt với các tội và các cấu uế của tâm. Do không trừ diệt năm ấm nên đưa đến sinh tử, cùng kết hợp với các thứ ma: Thân ma (ngũ ấm ma), Tội ma (phiền não ma), Tử ma, Thiên ma. Tất cả chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng đều không có chỗ mong cầu để tạo tác nhân duyên. Các ý niệm cầu đạt về thế tục như vậy, chẳng như vậy, cùng với các việc sai trái đều bị nghiệp trói buộc. Có những tham muốn trái ngược với giới cấm. Không phụng trì giới cấm hay phụng trì giới cấm, nhẫn nhục hay sân hận, siêng năng hay biếng nhác, nhất tâm hay loạn tâm, trí tuệ hay ngu si, cao ngạo hay khiêm tốn, an trụ hay không an trụ, đều dùng pháp tu vượt bờ để xa lìa các việc này, gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Thiên định kiên cố, công đức thuận hợp, tiêu trừ tất cả ý niệm khiến không còn sót lại, liền thuộc về giải thoát. Cõi nước tốt, xấu, chúng sinh lành, dữ, tất cả thiện, ác, ngu si, trí tuệ, sinh tử, Niết-bàn, chân đế, tục đế, đều xa lìa nhị biên. Trí tuệ ấy không có đối tượng thấy, không thấy, không tưởng, không có tưởng về Niết-bàn.

Sao gọi là trí tuệ? Quán xét, đối chiếu công đức của tám pháp để hiểu rõ về tám pháp.

Sao gọi là tám pháp? Hiểu năm ấm, rõ bốn đại, biết sáu trần,

phân biệt bốn Đế, thấu mười hai nhân duyên, thông suốt ba đời, nhận thức phân biệt các pháp do các bậc A-la-hán, Duyên giác, cho đến Bồ-tát diễn thuyết.

Thế nào là hiểu năm ấm? Mọi hiện tượng sinh diệt giống như huyễn hóa, đối tượng được thấy như mộng, rỗng không, dợn nắng, tiếng vang trong hang núi, ảnh trong gương, bọt bèo trên nước. Quán xét đối với các sắc, ngã, nhân, thọ mạng, hiểu rõ các sắc như các việc trên. Thọ như bọt nước, tưởng như dợn nắng, sinh tử (hành) đều rỗng không, thức như huyễn hóa. Nêu lên bọt nước, dợn nắng, rỗng không, huyễn hóa như vậy là vì sao? Vì những dụ này rất vi diệu. Vi diệu ấy là không ngã, không nhân, không thọ, không mạng cũng như huyễn hóa. Biết thức cũng như huyễn là hiểu rõ về năm ấm. Năm ấm rơi vào tướng thế tục, tướng này là nghiệp của vô thường, khổ, không, vô ngã. Biết được những tướng như vậy là hiểu rõ năm ấm.

Sao gọi là rõ bốn đại? Đất, nước, gió, lửa? Đất là pháp giới chẳng phải là kiên cố. Nước là pháp giới chẳng có nước. Lửa là pháp giới không do tự nóng lên. Gió là pháp giới chẳng dùng sự lay động. Bốn đại này là đối tượng được nhận biết của mắt, đối với pháp giới không dùng mắt thấy mà thấy biết tất cả, không dùng tai để nghe, không dùng mũi để ngửi, không dùng miệng để nếm, không dùng thân để xúc chạm không dùng ý để chấp giữ các pháp, nhưng đều hiểu rõ pháp giới một cách đầy đủ. Pháp giới của chúng sinh được giảng thuyết như vậy, pháp giới các tánh của hữu tình bình đẳng, pháp giới của các cõi Dục, sắc, vô sắc đều bình đẳng. Pháp giới của sinh tử, Niết-bàn, pháp giới nơi Pháp thân cho đến pháp giới của hư không cũng như thế. Vì sao? Vì có công đức hay không có công đức cũng bình đẳng như hư không, không có sai khác, cũng chẳng thể suy lường, chẳng tán thán. Pháp giới của Niết-bàn cũng lại như thế tức không thể xưng tán. Hội nhập nơi pháp giới này đó là hiểu rõ bốn đại.

Sao gọi là thấu đạt về sáu trần? Như Đức Phật đã dạy, mắt ấy cũng không mà không có ngã và ngã sở, cũng không có vô ngã, thấy đều là không. Vì sao? Vì hiểu rõ về ngã không nên đối với các trần chẳng phải là trần. Đó gọi là thấu đạt về sáu trần. Xét kỹ sáu trần, không thường, không đoạn. Đó là Bồ-tát hiểu rõ sáu trần. Mắt thấy sắc trần mà không bị chi phối. Vì sao? Vì không nỡ chùng chợn lấy sự chứng đắc. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như thế. Đó gọi là Bồ-tát hiểu rõ về sáu trần. Bồ-tát có thể phân biệt sáu trần, đã phân biệt rồi liền

hội nhập nơi đạo, không phân biệt sáu trần thì chẳng phải là đạo. Lại như Bồ-tát đem tâm Từ bi thương xót chúng sinh không kể thân hay sợ, không bỏ đạo lớn cũng không lìa bỏ sự bố thí. Đó là Bồ-tát hiểu rõ sáu trần.

Sao gọi là phân biệt rõ bốn Đế? Biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo, năm ấm không tự tại, xứ là khổ. Biết nguyên nhân sinh ra khổ là tập, sắc hiện ra liền diệt gọi là diệt. Chứng đắc hay không chứng đắc, tâm vẫn an trụ bình đẳng nên gọi là đạo. Bồ-tát biết bốn Đế mà không chứng đắc. Vì sao? Vì nhằm để hộ trì tất cả chúng sinh. Đó gọi là phân biệt bốn Đế.

Lại có ba việc? Sao gọi là ba? Tướng chân đế ấy xét, hiểu đúng như cội gốc. Lời nói thế tục chỉ là giả hợp thành danh hiệu mà thôi. Hiểu rõ chân đế, tâm chẳng suy niệm về có, không. Xét hiểu về gốc thì tất cả các sắc đều là bình đẳng. Vì sao? Vì không giữa chừng nắm giữ sự chứng đắc, luôn ứng hợp với tướng thì đó là phân biệt bốn Đế.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Đế ấy chỉ có một, không có hai. Vì sao? Vì Như Lai Bạc Chí Chân không có chỗ mong cầu, cũng không có tướng cầu về sắc và vô sắc, không có chỗ mong cầu mà được ở trong ấy. Đó là phân biệt bốn Đế. Lại có khổ của năm ấm là tướng của phiền não. Thích hiểu rõ về không là Khổ đế. Thông đạt năm ấm do từ duyên khởi là Tập đế. Thấy được vạn vật đều có tướng mong cầu, phân biệt rõ ý nghĩa ấy mà không tham muốn, tuy không mong cầu nhưng cũng không quên mất. Đó là cùng nhận biết nghĩa của Diệt đế. Không cùng với sự việc của quá khứ, vị lai, hiện tại mà gắn liền với thế gian, nhưng cũng không trụ trong ấy. Đó gọi là diệt đế. Muốn đạt đến Đạo thì hiểu rõ về Khổ, Tập, Diệt, không ở nơi hai việc: Do dự và lưới kết sử. Đó gọi là Đạo đế. Quán xét kỹ về chúng, biết chúng là khổ. Đó là Bồ-tát phân biệt rõ bốn Đế. Những điều đã thấy biết về khổ, vui, thiện, ác, tâm nhìn thấu hết gốc ngọn của thế gian. Đó là biết Khổ. Các duyên đều khổ, đó gọi là Tập. Hiểu các khổ thế gian, không còn mong cầu, tuy không mong cầu nhưng chẳng rơi vào chỗ chứng đắc về Diệt. Vì sao? Vì không giữa chừng chứng đắc. Đó gọi là Bồ-tát nhân nơi sự hiểu biết để cầu Đạo. Như muốn qua sông mà không cần thuyền thì không thể vượt qua. Suy nghĩ về phương cách, nếu được tám ván, ngồi lên trên ấy thì có thể vượt qua. Vì sao? Vì không còn lo buồn, do không vượt qua được các khổ. Thực hiện những hạnh nghiệp này thì an trụ trong giáo pháp bốn Đế. Chẳng lấy sự thật của sắc mà chứng đắc. Đó là Bồ-tát phân biệt về

đế. Ý xem xét sự phát sinh khổ, khổ từ duyên sinh cũng không theo duyên. Đó gọi là biết về sự sinh. Tất cả sự sinh cũng không có chỗ khởi, không diệt tận, không hưng khởi ý diệt. Đó gọi là ý vắng lặng thì khổ diệt, ưa thích nhận biết, cầu đạt sự thù thắng để chế phục tâm ý. Đó là biết rõ về đạo mà không trú ở trong ấy. Vì sao? Vì trí tuệ là không trụ. Đó là Bồ-tát phân biệt nhận biết về bốn Đế.

Thế nào là thấu đạt về mười hai nhân duyên? Nghĩa là nhân từ vô minh cho đến sinh tử như tất cả các pháp đều có chỗ sinh khởi, hiểu rõ là không thể thấy cũng không thể biết. Vì sao? Vì không có sinh, cũng chẳng phải không sinh. Do hiểu đúng các sự việc của nhân duyên này thì dựa vào đấy để cầu đạt Niết-bàn. Hiểu rõ chỗ hành của chúng sinh không như nhau mà có cao, vừa, thấp. Duyên nơi tội phước nên tạo các hành nghiệp. Chỗ sẽ đạt đến là phát khởi duyên vô sinh, tu tập, thực hành các pháp tức hợp với đạo. Đó là hiểu rõ về mười hai nhân duyên. Giả sử không có duyên sinh thì không có pháp hiện hữu. Đó là tiêu trừ, tức vô minh diệt thì lão, bệnh, tử diệt. Lão, bệnh, tử đã diệt, có thể thấu suốt điều này là hiểu rõ về mười hai nhân duyên. Các nhân có được đều là chỗ bao gồm của các pháp. Các duyên có được đều là chỗ thâm tóm, chỗ hòa hợp của các pháp. Nhân duyên ấy hòa hợp chẳng phải ta, chẳng phải người, cũng chẳng phải là ngã, nhân, thọ, mạng, tất cả đều không có chỗ hội nhập. Như vậy, nhập là không ở trong tất cả những cái hiện có. Hiểu rõ ý này là biết được mười hai nhân duyên. Bồ-tát đều muốn thấu rõ đầy đủ các pháp thấu tỏ đầy đủ rồi thì hiểu được vô thường, không rơi vào sự chứng đắc. Vì sao? Vì nhằm cứu giúp chúng sinh, đó là Bồ-tát hiểu rõ mười hai nhân duyên.

Sao gọi là thông tỏ ba đời? Biết tâm ở quá khứ có đức hay không, quán xét thân người khác bình đẳng không có sai biệt. Vì thân mình có lầm lỗi, thân người khác cũng vậy, mau chóng thay đổi lỗi lầm để tạo phước đức. Do phước đức này mà phát tâm cầu đạo. Đó là công đức quá khứ của Bồ-tát. Tâm ý tạo được các công đức ở vị lai đều do Bồ-tát phát tâm, kiến lập hạnh nguyện. Các chỗ phát tâm dùng để hộ trì, giữ lấy tâm kiên cố, không chấp nhận tâm vẩn đục. Đó là phước đức trong vị lai. Công đức tìm cầu đã tạo tác của tâm ý ở hiện tại chính là do mọi duyên để tạo nên công đức ấy. Xả bỏ các cấu uế, không theo những giáo lý sai quấy thì không xa lìa công đức. Vì sao? Vì gần với Phật đạo, chính là phước hiện tại. Xét từ quá khứ đến hiện tại, vị lai, tin ba đời là rỗng lặng. Quán pháp ba đời thì dùng trí tuệ cứu giúp mọi

người. Chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều dùng phương tiện quyền xảo để hiểu rõ các pháp trong ba đời, các pháp quá khứ đã diệt. Vì sao? Vì không thể thấy. Không do phước đức của quá khứ mà chỉ do tâm biến hiện nên các pháp vị lai thấy rõ là không có chỗ sinh, cũng không lấy làm nghi ngờ. Quán xét các pháp hiện tại cũng không có chỗ trú, nên không xứ sở, không bỏ tâm đạo. Đó gọi là trí tuệ thông suốt trong ba đời. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không có chỗ trú, nhưng trí tuệ vẫn không hủy hoại. Bồ-tát phát khởi công đức đều nhằm hòa đồng, đó là hiểu rõ về ba đời. Nhờ trí tuệ nên nhớ nghĩ công đức nơi quá khứ. Vì sao? Vì những việc đã làm đời này đều do phước đức đời trước, nhân nơi đó tạo sự phát tâm cho đời sau. Sự tạo tác của trí tuệ ấy đã đầy đủ sở nguyện, nên phước đức được tạo ở hiện tại không lấy làm khó. Vì sao? Vì Bồ-tát đã phát nguyện. Đó gọi là thấu rõ về ba đời vì các chúng sinh đời quá khứ nên biết tạo lập công đức. Vì nhằm hộ trì chúng sinh nên từ xưa đến nay không ngừng dạy bảo, giáo hóa họ. Sự giáo huấn là nhằm khiến chúng sinh thấy chỗ biến hóa nơi thân thông của chư Phật trong vị lai đối với nghĩa của đạo pháp, được tăng trưởng lợi ích. Không những tăng lợi ích mà còn tăng thêm phước đức cho quần sinh nữa. Đức Phật xuất hiện ở đời là nhằm tạo nhiều lợi ích mà lời thệ nguyện không ngăn ngại. Đó là hiểu rõ ba đời.

Thế nào gọi là hiểu rõ công đức của A-la-hán, Duyên giác và Bồ-tát. Nếu không có Phật thì không có A-la-hán. Đức Phật xuất hiện ở đời mới có pháp của bậc A-la-hán. Pháp của hàng A-la-hán là nhân nghe lời dạy của Phật mà giác ngộ. Người được quả Thanh văn thì đầy đủ giới cấm. Giới cấm đầy đủ nghĩa là thực hành đúng giới pháp. Đã hành trì đúng giới pháp là đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đó là hiểu rõ về Thanh văn. Từ những duyên này mà chứng quả A-la-hán. Biết có đức hay không đức mà hiểu về vô thường, giải thoát sinh tử, ở trong ba cõi đều nhằm chán các ham muốn dục lạc, thấu rõ vô thường là khổ. Vì sao? Vì các pháp là vô thường, Niết-bàn tịch diệt cũng không thật có, không cầu sinh đến. Vì sao? Vì như thế là sợ sinh tử. Do sợ sinh tử mà không dốc lòng tin ở hành nghiệp nơi thế gian. Quán thân như oán thù, bốn đại như rắn độc, sáu trần đều rỗng không, không nguyện sinh vào năm cõi luân hồi, nhận giữ lấy cảnh giới Niết-bàn. Thực hành đúng như vậy là hiểu rõ về Thanh văn.

Sao gọi là hiểu biết về Duyên giác? Bồ-tát đều nhận biết thế nào là Duyên giác đã tạo lập được công đức? Duyên giác hưng khởi công

đức đều vượt trên A-la-hán. Vì sao? Vì nẻo hành hóa của Duyên giác tinh tấn, vượt hơn hàng Thanh văn. Như việc bố thí, trì giới... hàng Thanh văn không sánh kịp. Vì sao? Vì nẻo hành hóa của Thanh văn tâm còn hạn hẹp, việc cúng dường Phật tuệ không đủ nói. Khi đã vào pháp Phật thì chỗ tu học ưa thích pháp nhỏ, chẳng tối tâm mà cũng chẳng trí tuệ. Vì sao? Vì lãnh hội những âm thanh mà chán ghét sinh tử. Chỗ tu học ít ỏi nên thường thích sân giận. Cố gắng nương theo đức lớn để ưa thích việc làm cao cả, thực hành bố thí, suy nghĩ về mười hai nhân duyên. Do suy tính, mong cầu giải thoát cho bản thân nên tự mình tin hiểu, hộ trì đạo, thực hành theo duyên khởi mà dựng lập công đức. Đó gọi là hiểu rõ về Duyên giác.

Thế nào gọi là thông suốt về hành nghiệp của Đại thừa? Đã hội nhập, hiểu rõ công đức không thể tính kể, do Đại thừa rộng lớn mệnh mông vô cùng nên phải vì chúng sinh mà thực hành phương tiện quyền xảo. Công đức ấy luôn trang nghiêm, không cho là khó, đều ban bố theo sự ưa thích của chúng sinh, dùng pháp vượt bờ để giáo hóa, thành tựu pháp Đại thừa. Biết hết tâm và nẻo hành của tâm nơi mọi người, muốn độ thoát họ vượt mọi duyên phát khởi, không cho Phật đạo là khó đạt được. Lại dùng ánh sáng chiếu soi khắp chúng sinh, tâm ấy đặc biệt không gì sánh bằng, vượt tất cả khổ, hiểu tất cả pháp không hề bị ngăn che, hàng phục các tà thuyết, khiến đều thanh tịnh hòa hợp. Thâu tóm cả ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, oai đức thù thắng như dựng ngọn cờ pháp, hành hóa trong mười hai nhân duyên, không chấp đoạn, chẳng chấp thường. Những điều được thấy như lo buồn, ngủ nghỉ, tham dục, sân giận, đùa giỡn, các việc sai trái đều nên xa lìa tất cả. Chân thật là dùng trí tuệ của Phật và các thứ tướng tốt mà trang nghiêm, dùng Đại thừa để trang nghiêm nơi thân, miệng, ý của mình. Vì sao? Vì không có tội lỗi. Đó gọi là công đức của Đại thừa. Công đức ấy là cứu độ khắp mọi chúng sinh, hàng trời, người. Sao gọi là độ tất cả chúng sinh? Các pháp đều hòa hợp, gọi là giải thoát ở nơi không giải thoát. Giải thoát ở nơi không giải thoát là gì? Công đức của bậc Bồ-tát luôn đầy đủ, đó là giải thoát. Hiểu rõ sự hưng tạo công đức trong sinh tử là do thân, miệng và ý. Do hiểu rõ miệng tạo tác công đức, thân kiến lập phước đức, đó là ba việc thực hành của thân, miệng, ý trong sinh tử. Bồ-tát do nhân duyên hiểu biết giải thoát liền nguyện đạt đến Nhất thiết trí là trí tuệ thông tỏ, đó là minh đạt. Giải thoát rồi lại hiểu những pháp chẳng giải thoát, năm pháp vượt bờ hội nhập trong trí vượt bờ. Gọi là giải thoát tức

không cho là khó khăn để hiểu pháp vượt bờ luôn thâm tất cả, phương tiện thiện xảo của Bồ-tát đều nhờ ánh sáng trí tuệ chiếu soi hết thảy. Vì sao? Vì do bốn việc gồm thâm đến người khác là không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không lấy, không bỏ. Do vậy, nên phân biệt, dùng nguyên nhân giải thoát, tạo lập các nguyện của Bồ-tát để hiểu rõ việc độ thoát. Nghĩa là đối với sinh tử, dần dần tiến tới, do không có đối tượng được đoạn trừ. Không có đối tượng được đoạn trừ nên sinh tử không mất. Sinh tử không mất thì không gì có thể hủy hoại được Bồ-tát. Vì sao? Vì không theo việc cùng người ham chuộng thế lực. Do đó gọi là phân biệt, là chưa giải thoát nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện. Dùng pháp này để quán xét, thấy rõ các kiến giải của Bồ-tát tin hiểu. Vì sao? Vì nơi ba giải thoát chưa thông suốt nên gọi là chưa giải thoát, chưa chứng đắc ở trong ba cõi mà không bị tham đắm, đó gọi là giải thoát. Tuy ở trong ba cõi nhưng vẫn tạo nhiều phương tiện thể hiện cùng khắp. Vì sao? Vì dùng trí tuệ sáng suốt nên không rơi vào nẻo “thủ chứng”, đó gọi là hiểu rõ đức giải thoát. Pháp công đức đã tạo, đều do trí tuệ thông đạt đầy đủ, đã được đầy đủ thì không xa lìa Nhất thiết trí, đó là hiểu rõ về các pháp.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Có tám việc, pháp và trí tuệ hòa hợp không cùng tận. Đó là pháp trí tuệ bao hàm sự hiểu biết phân minh để có thể phân biệt rõ ràng đúng như pháp Phật, không có sai khác. Vì sao? Vì đã trừ bỏ các pháp phiến não, phi pháp. Đó tức là nguyện lực nên đạt đến đạo pháp. Ánh sáng trí tuệ của các kinh điển chiếu soi đến cội nguồn là bản thể, do hội nhập vào trí tuệ, thấy được các dục, nên đều hiểu rõ là có thể đạt đến Niết-bàn, tóm thâu các tuệ nên không bỏ đạo pháp. Nhờ lòng tin nơi trí tuệ nên các cấu uế đều tiêu trừ. Bạc đại trí chính là đứng đầu trong các pháp. Trí tuệ tự nhiên là trí tuệ vô sư, đều thấu tỏ các dục mà không bị đắm vướng. Vì sao? Nhờ đạt đến ánh sáng của đạo, dùng trí tuệ đoạn dứt tận gốc rễ nên không cùng tận. Mọi vọng tưởng đều rỗng lặng. Sở dĩ tạo lập gốc rễ là do tối tăm mê muội, muốn đạt đến bậc Thánh thì phải dùng thuốc trí tuệ để giáo hóa, giữ vững lý đạo là nhằm để an trụ đứng đắn. Có người đến học thì dùng trí tuệ dạy bảo, khiến họ được chứng đắc. Dùng ánh sáng trí tuệ soi chiếu vô minh, tăm tối, khiến cho họ được sáng suốt. Nếu người không có mắt pháp thì giúp họ có mắt pháp, thấy được thông suốt. Trí tuệ sáng suốt ấy vượt ra ngoài các sắc. Trí tuệ của chân đế nên không còn bị ràng buộc, dùng trí tuệ để giáo hóa người chưa hàng phục khiến họ tự điều

phục. Vì các kẻ tầm tối mà hiển bày mất trí tuệ. Có trí tuệ không cùng tận thì không nơi nào mà không đến, không hành động nào mà không thực hiện toàn vẹn. Vì sao? Vì thông suốt mười hai nhân duyên. Tuyên thuyết trí sáng tỏ, hiểu rõ các phiền não trói buộc khiến không còn lầm lạc chẳng vì sinh tử mà bị mê loạn.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Hàng Bồ-tát dùng trí tuệ tóm thâu và hội nhập tâm của chúng sinh, tùy theo hành động mà thấy được tâm niệm của muôn loài để hiểu rõ, phân biệt. Người không có công đức thì dùng trí tuệ dẫn dắt, tạo lợi ích cho họ. Trí tuệ của Bồ-tát đều hiện bày khắp nơi các thừa Thanh văn, Duyên giác cho đến Chánh giác. Đó là nơi chốn của trí tuệ. Bồ-tát học như vậy gọi là trí tuệ không cùng tận, giảng thuyết trí tuệ vượt bờ một cách thông suốt không cùng tận. Khi thuyết giảng phẩm pháp này có ba vạn hai ngàn vị Bồ-tát đều chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tâm Từ của Bồ-tát thì không cùng tận. Vì sao? Vì lòng từ của Bồ-tát vô cùng rộng lớn, cũng như hư không không có hạn lượng. Sở dĩ rộng vô biên là vì giống như bốn đại của chúng sinh như hư không, không đâu là không hiện bày. Bồ-tát dùng lòng Từ che chở khắp, giống như bốn đại: Đất, nước, gió, lửa không thể xứng lượng nên nói không cùng tận. Lòng từ của Bồ-tát cũng lại như vậy, chẳng thể cùng cực nên gọi là không bờ. Giống như hư không vô biên, bốn đại đều không thể lường. Chúng sinh vô tận nên lòng từ của Bồ-tát không giới hạn. Vì thế nói lòng Từ của Bồ-tát là vô tận.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát A-soa-mạt:

–Bốn đại nơi chúng sinh nhiều không thể tính kể là vì sao?

Bồ-tát A-soa-mạt đáp:

–Đất, nước, gió, lửa số ấy nhiều hơn cây cỏ rừng rậm.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Có thể vì chúng sinh mà dẫn dụ chăng?

A-soa-mạt đáp:

–Có thể giả dụ được, không thể lấy số lượng nơi dân chúng làm số lượng tận cùng.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Ví dụ như thế nào mới được?

A-soa-mạt đáp:

–Giống như phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng và hai phương Trên, Dưới hợp lại thành một thế giới, mỗi thế giới có số cõi Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng hợp lại làm thành biển lớn, lấy hết tất cả số người ở bờ biển, mỗi người dùng một sợi lông để lấy số nước biển, cứ một giọt nước là số người bằng một hằng hà sa, hai giọt nước là số người bằng cát của hai sông Hằng. Cứ như vậy, số giọt nước trong biển lớn có thể tính được nhưng chúng sinh thì không thể tính hết. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy, không thể tính hết. Tâm đại Từ của Bồ-tát hiện bày khắp tất cả.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nếu tâm Từ rộng lớn thì phước đức đáng mừng cũng không thể cùng tận.

Xá-lợi-phất nói:

–Thật sự là không cùng tận.

A-soa-mạt nói:

–Nếu có Bồ-tát nghe nói về số lượng chúng sinh không thể cùng tận mà không sợ, không lo, không bối rối thì đó mới gọi là tâm Từ không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tâm Từ bi rộng lớn ấy chính là sự hộ trì của Bồ-tát. Lại vì chúng sinh mà có những hạnh nghiệp công đức và hiệu quả. Vì sao? Vì lòng từ không hề mất. Có lòng từ thì các việc xấu ác đều hoàn toàn tiêu diệt, điều phục các thứ sân giận, não hại và các tham ái. Nên ai nhìn thấy người ấy cũng đều vui vẻ. Vì sao? Vì người ấy không có các tà vạy, những điều lo sợ đều được dứt hết. Đạo ấy chân chánh, không thiên lệch, tà vạy, có thể giáo hóa, hướng dẫn cho kẻ loạn tâm. Nếu kẻ gặp khó khăn thì Bồ-tát an ủi cứu giúp. Vì sao? Vì muốn độ thoát các loài hữu tình bị trôi buộc. Những kẻ đua nịnh thì làm cho họ tu tập đầy đủ đức chất phác chân thật. Người học yếu nghĩa của đạo, không ham muốn vinh hoa phú quý ở đời, đều được sự tôn kính của Đế Thích, Phạm vương. Thường dùng trí tuệ quan sát thấy khắp tất cả. Vì sao? Vì muốn cứu giúp hết thảy các loài. Tu tập bốn Tâm vô lượng chẳng có ý niệm khác, đều bỏ các phiền não cấu uế mà hội nhập yếu nghĩa của Phật đạo. Thâu tóm hạnh nghiệp trí tuệ, dùng đức tự trang nghiêm để vượt qua các đức, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đều đầy đủ, trọn vẹn. Lành thay, lành thay! Sự độ thoát ấy, Niết-bàn hiển hiện để hướng dẫn chúng sinh, không ở nơi tám sự lo sợ, khiếp nhược mà ở chỗ an tịnh, thích dùng pháp lạc, lấy pháp làm vui, nắm giữ các dục,

không tham ngôi vị quyền lực, bình đẳng đối với chúng sinh, sự thực hành không khác, làm thanh tịnh trí tuệ rộng khắp. Nếu có người phạm giới, Bồ-tát sẽ giúp đỡ họ, thị hiện sức nhẫn nhục, không sinh tâm kiêu mạn, phóng túng, không bỏ tinh tấn, thiền định, nhất tâm Tam-muội. Tâm ấy không mê loạn do hành nghiệp của trí tuệ. Những điều nghe nhận đầy đủ nơi lòng từ, những điều đó từ thân thực hiện, không nương nhờ người khác, không nên theo sự dụ dỗ của ma. Vì sao? Vì đạt được sự an lạc lớn. Nhờ có trí mà hiểu rõ và hổ thẹn đối với việc làm phi pháp, khỏi hẳn các bệnh, trở lại hộ trì chúng sinh, thường tự tạo an lạc cho mình và cho mọi người. Pháp của bậc A-la-hán là chỉ muốn tự cứu mình, chẳng cứu giúp chúng sinh, nhưng Bồ-tát sẽ dùng tâm đại Từ thương xót tất cả, muôn loài.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tâm Từ có ba việc? Những gì là ba?

1. Tâm Từ bố thí hết thảy, hiểu rõ pháp Từ bố thí cho tất cả.
2. Tâm Từ chân chánh bình đẳng.
3. Thường dùng tâm Từ trải khắp chúng sinh.

Gọi là bình đẳng tức bố thí khi phát tâm Bồ-đề, tâm Từ kết hợp với pháp bình đẳng mới thành tựu hạnh nghiệp, phát khởi tâm Từ bình đẳng rộng khắp, nhân đó mới thành tựu nhẫn nhục. Đó là ba việc của tâm Từ không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Hàng Bồ-tát hiện bày tâm Bi không cùng tận. Thế nào là thọ mạng của con người? Do con người lấy hơi thở làm gốc, gốc là mạng sống. Nẻo hành của Bồ-tát lấy tâm Bi làm gốc. Cũng như vua Chuyển luân lấy vòng bằng vàng ròng làm chỗ khởi đầu, sau đó bày báu tức thì hiện ra đầy đủ. Pháp Đại thừa của Bồ-tát cũng lại như thế. Do có tâm đại Bi, pháp bảo của chư Phật đều hiện bày cùng khắp. Như vị trưởng giả có một loại nhạc vi diệu, hòa nhã. Âm thanh ấy du dương thấm sâu vào lòng người. Bồ-tát đạt đến tâm Bi rộng lớn, thương tưởng chúng sinh hơn cả bản thân mình. Như trưởng giả có người con một hết mực thương yêu. Hạnh nghiệp của Bồ-tát lấy đại Bi làm gốc, sau đó sẽ gồm đủ các hạnh nghiệp khác. Vì sao? Vì tất cả giáo pháp thì đại Bi làm chân thật. Người thực hành chân thật thì có tâm Bi rộng lớn, nên không tự đại, không độc đoán, cũng không phô trương, luôn hành theo nẻo chân chánh, trong tâm luôn thành thật không dối khác. Đó là tâm Bi

rộng lớn. Vì sao? Vì không dùng tâm tà để thể hiện lòng thương xót. Tâm Bồ-tát thuần hậu không kiêu mạn, phóng dật, tùy thuận theo tất cả chúng sinh, dẫn dắt, giáo hóa để độ thoát họ. Thân không bị tổn hại, dùng uy lực nên không tham tiếc mạng sống, tức là tự yêu quý mình, xa lìa các ác, che chở hết thảy chúng sinh nên tâm ấy được thanh tịnh, không lìa bỏ những hạng nghèo cùng nguy khốn. Vì sao? Vì không bị cuốn theo phiền não, nên tâm được kiên cố. Đó là thương xót muôn loài. Tâm ấy không thoái chuyển, nhân đó hội nhập nơi đạo lớn. Tâm chân chánh của Bồ-tát luôn siêng năng cứu giúp. Đó là đại Bi. Nếu được chư Phật ấn chứng làm rõ chỗ thông tỏ, cũng là tự mình đem sự chứng đắc để cúng dường. Lại đạt đến tâm đại Bi thì tâm vị ấy thanh tịnh không khác. Vì sao? Vì xả bỏ sự an lạc của mình mà đem lại mọi an lạc cho chúng sinh. Thấy người bị nguy hại thì Bồ-tát đem thân chịu thay cho họ. Tâm không hạn hẹp, gánh vác cho chúng sinh, không cho việc đó là nặng nề, tâm chí luôn tinh tấn. Đó là tâm Bi. Sở dĩ như thế, vì luôn nhẫn nhục. Đối với hạng người yếu kém thì cứu giúp họ. Đối với người có bệnh tật, thân thể hôi hám, tâm vị ấy cũng không ghét bỏ, không quản khó nhọc, đến cứu giúp khổ nạn của họ. Đối với người xin thỉnh giảng giáo pháp thì không dùng sự mệt nhọc mà luôn đầy đủ đạo tâm, tùy theo sự ưa thích để mở bày, giải thích cho họ, luôn có đủ công đức để trang nghiêm. Các căn của thân được vẹn toàn, không bị rơi vào các khổ. Nhân đó thành tựu tâm Từ hoàn bị để tạo an lạc cho muôn loài. Do đó gọi là tâm Bi, không tranh tụng với người. Vì sao? Vì không còn có tham nên mới có thể thực hành đầy đủ tâm Bi. Tâm không hối hận luôn giữ vững giới pháp, luôn ưa thích làm lợi lạc cho chúng sinh. Thân như kim cương không bị hủy hoại, do thân từng bố thí không tiếc lẫn, khuyến giúp người khác khiến họ phát khởi công đức. Đó là tâm Bi. Tuy thân tạo lập công đức luôn được vui vẻ, nhưng không bằng khuyến người tạo lập công đức mà không cho đó là vui lớn. Vì sao? Là luôn vì chúng sinh. Ở trong dực xem xét đạo tuệ không cho là khó nhọc. Đó là tâm Bi. Chỗ tạo tác công đức chưa từng biếng trễ mệt nhọc. Dùng vô úy thí để từ bỏ tâm tham lam, keo kiệt, muốn khiến cho chúng sinh đều đạt mọi sở nguyện. Đối với các trường hợp cần suy xét, mở bày, thấu đạt, liền khiến tạo lập tâm Bi rộng lớn vô lượng. Vì sao? Vì hiểu rõ chỗ phát khởi, giúp đỡ, khen ngợi, dẫn dắt cho chúng sinh. Nếu có kẻ phạm giới và hủy báng thì Bồ-tát yên lặng, không nghĩ đến lời nói đó. Vì sao? Vì thường lấy giáo pháp của Phật giáo huấn, giảng dạy cho chúng sinh trong mười

phương. Như có người làm ác thì khởi tâm thương xót, dùng nhãn nhục của Như Lai để chỉ dạy cho họ, không đem uy lực đối với kẻ ngu tối. Vì sao? Vì nhằm giáo hóa khiến họ hội nhập vào pháp của Phật. Bồ-tát giáo hóa rộng khắp khiến học ba mươi hai tướng Từ bi của Phật vì Từ bi cũng không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tất cả chỗ bố thí của Bồ-tát đều lấy đại Bi làm gốc, nên gọi là kiến lập đại Bi độ vô cực. Dùng Từ bi để tu tập sáu pháp Độ vô cực: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ. Cũng lại dùng Từ bi để thực hiện đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trạo đạo. Vì sao? Vì riêng mình có thể tu tập đạt đến giác ngộ, không ai có thể làm thầy. Nếu hành luôn an định, không chút cấu nhiễm, dùng trí tuệ thực hiện Từ bi đem lại sự thành tựu cho tất cả chúng sinh, nên gọi tâm Từ bi của Bồ-tát là không cùng tận.

Thế nào là tâm Hỷ của Bồ-tát không cùng tận? Do tâm bình đẳng không cùng tận, suy xét các pháp nơi kinh điển tâm luôn vui vẻ, không cho là khổ nhục, xả bỏ các âm nhạc không thích hợp, chẳng cho đó là vui, tâm an trụ nơi pháp, dùng pháp để tạo sự an lạc. Tâm ý được điều phục, thấy chỗ tạo tác của người khác không hợp với nghĩa lý, Bồ-tát không sợ hãi nhưng bày tỏ lòng thương xót, rơi lệ. Thấy người ưa thích đạo Bồ-tát thì tâm Bồ-tát kính mến, nguyện được thân của Như Lai gồm đủ các vẻ đẹp và ba mươi hai dùng để trang nghiêm. Công đức của các pháp thường muốn đạt được, lãnh hội kinh điển chưa từng chán bỏ, luôn theo văn của kinh, dốc giữ gìn, vững chắc, để ứng hợp với chánh pháp thì tâm không vướng bận theo vinh hoa của thế gian. Thường dùng pháp lạc để tự an vui. Tâm bình đẳng nơi tất cả chúng sinh, tùy theo niềm vui của họ mà dẫn dắt giáo hóa. Vì sao? Vì khiến đạt được như giáo pháp của Phật. Đó là thực hành tâm Hỷ.

Giữ gìn tâm, ý chỗ giáo hóa được rộng lớn thì không trái với giáo pháp của Như Lai Vô Thượng Chánh Giác, gồm đủ uy lực. Người tâm hẹp hòi thì không thích giáo pháp, người tham lam thì tâm không thanh tịnh. Tuy Bồ-tát ở nơi ba tạng kinh điển mà chẳng ôm lòng tự đại, đối với người cẩn thận thì thay họ vui mừng, với kẻ phạm điều sai trái thì càng tăng thêm tâm Từ bi. Thân tâm đã vượt khỏi sợ hãi nơi các cõi ác, nên kiên trì, phụng hành giới pháp đúng như giáo pháp của Phật. Nếu bị người mắng nhiếc, tâm không giận dữ, chế ngự khiến trở nên hòa nhã, cung kính các bậc Trưởng lão, khiêm tốn đối với người

thiếu niên, dung mạo hiền từ, tâm không rối loạn, luôn ứng hợp tùy thuận với mọi người, đối với các bậc đi trước luôn thưa hỏi, chưa từng dua nịnh. Đó là Bồ-tát thực hành tâm Xả vô tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Thần thông của Bồ-tát cũng vô tận. Sao gọi là thần thông?

1. Thiên nhãn.
2. Thiên nhĩ.
3. Biết tâm niệm của người khác (tha tâm).
4. Nhận biết các việc xa xưa.
5. Bay đi tự tại.
6. Lậu tận thông.

Sao gọi là Thiên nhãn? Xét về Thiên nhãn thì chỗ thấy của mắt nơi các hàng Rồng, Quỷ thần, La-hán, Duyên giác không bằng chỗ thấy của Bồ-tát, không ai sánh bằng. Mắt của Bồ-tát thấu suốt tất cả, chỗ nhận thấy của mắt ấy là vô biên thế giới trong mười phương. Các hình tướng, màu sắc thô, tế, lớn, nhỏ, xa, gần, rộng, hẹp đều dùng Thiên nhãn thấy rõ, phân biệt tất cả. Nhân nơi Thiên nhãn thấy được mười phương rồi, còn nhìn thấy nơi chốn sinh, trụ nơi năm đường, xét về nẻo luân hồi của chúng sinh, biết chỗ báo ứng, chỗ gặt lấy kết quả. Nhận về cội nguồn của chúng sinh cũng lại thấu tỏ về các căn mạnh yếu, sự thanh tịnh, sáng tỏ nơi các quốc độ của chư Phật Thế Tôn, cảnh giới khắp mười phương, cũng thấy tất cả, xem xét giới thanh tịnh ấy, dùng công đức này để khuyến trợ nơi cõi nước của mình, thường an trụ trong giới pháp, nên chỗ nguyện liền thành tựu. Dùng Thiên nhãn này quán xét về nghĩa lý của chư Phật và chúng Bồ-tát ở địa vị không thoái chuyển. Hàng Bồ-tát học tập, thực hành hạnh nguyện của các vị ấy, như oai nghi, phép tắc, nơi tất cả mọi hành động đều ung dung, hòa nhã, vững vàng trong pháp môn tu. Thâu tóm mọi biện tài với trí tuệ quyền xảo. Tùy lúc dùng phương tiện giáo hóa đầy đủ cho chúng sinh. Dùng mắt chân đế để thấy khắp, không bị ngăn ngại. Xem xét mọi hình sắc đều hư dối, không chân thật. Do đạt được mắt chân thật, thấy được sự giải thoát và những phiền não trói buộc. Dùng mắt chân thật thấy được nguồn gốc của phiền não là thanh tịnh, hiển bày rõ ràng, đối với tất cả cảnh giới đều không bị đắm vướng. Dùng mắt chân thật nên không sinh khởi lưới phiền não ràng buộc, thấy được bao nhiêu điều tăm tối, không còn do dự. Dùng mắt chân thật không trú trong điên đảo và tất cả các pháp ngăn che thì không thuận hợp. Sự nhìn thấy thông

suốt là dùng ánh sáng của pháp để soi chiếu toàn bộ. Dùng mắt chân thật tuyên thuyết về trí tuệ của bậc Thánh, không tham đắm nơi những nhân duyên, các việc làm chưa từng hối tiếc, không giữ lấy cũng không mong cầu, không làm tăng thêm phiền não, phóng túng. Dùng mắt chân thật để trừ diệt những lao khổ, mệt nhọc. Kẻ chán ghét Thánh hiền thì tùy căn cơ mà mở bày, giáo hóa họ. Không trái, bỏ hình tướng, dùng ánh sáng bình đẳng chiếu khắp chúng sinh. Dùng mắt chân thật nên tâm ấy được thanh tịnh, diệt trừ tận gốc rễ phiền não, khiến chúng vĩnh viễn không còn phát sinh, xa lìa tâm tự đại, không còn các cấu uế. Tâm tánh thanh tịnh nên không còn những vướng mắc. Dùng mắt chân thật đạt đến mắt Phật. Tâm Xả tự tại mà không giông ruổi cầu tìm. Trừ bỏ mọi giả dối, không trú vào các bệnh khổ và các thứ kết sử. Dùng mắt chân thật để thấu đạt nghĩa lý và biết được nẻo đi, lối về. Người được pháp thanh tịnh thì thực hành nghĩa lý của bậc Thánh tuệ không ngăn ngại, nắm giữ, điều phục chúng sinh. Xây dựng tâm đại Bi, trừ bỏ các pháp làm não loạn, chắc chắn đạt tới bờ giải thoát không bị ngăn ngại. Những điều đã quán xét kỹ càng sẽ đến gần đạo tràng. Đối với hạng người không nơi nương tựa, thấy họ đến cầu xin thì Bồ-tát không hề có lòng oán giận. Người phá hủy giới pháp thì giúp họ sửa đổi tâm tánh, trừ bỏ những thói quen biếng nhác. Kẻ loạn tâm thì vì họ chỉ bày thiền định. Người có trí tuệ sai lệch thì cho họ mất trí tuệ. Người lạc đường thì chỉ dẫn họ theo con đường chân chánh. Người mong đến pháp Tiểu thừa thì chỉ dạy họ dùng pháp vi diệu của Đại thừa, khiến họ nhập nơi Nhất thiết trí, thuận theo chánh giác, không bỏ thần thông. Đó gọi là Thiên nhãn thấu suốt của Bồ-tát với thần thông không cùng tận.

Thế nào là Thiên nhĩ thần thông không cùng tận? Do Thiên nhĩ này mà nghe thấu khắp mười phương, không bị hạn lượng. Những hình tượng và âm thanh có trong thế giới của chư Phật như Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chiên-đà-la, Ma-hầu-lặc, những ngôn từ của Nhân phi nhân, tất cả hiền Thánh, Thanh văn, Duyên giác cho đến âm thanh thông suốt của hàng Bồ-tát, chư Phật đều dùng Thiên nhĩ này mà nghe được tất cả. Sự nghe luôn rõ ràng không hề bị giới hạn trở ngại. Thiên nhĩ ấy còn nghe thấu cả những âm thanh của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những âm thanh nhỏ bé của loài côn trùng như ruồi, muỗi, ong, bướm những tâm lý thiện, ác, phải, trái đều từ miệng chúng sinh nói ra, đều nghe biết được cả. Những ngôn từ của miệng nêu bày về tội phước, báo ứng, hoặc miệng nói về

sự trói buộc của tham dục, sân giận, ngu si, hoặc miệng nói lời nối kết sự thô bỉ, hoặc miệng tuôn lời tham lam, giận dữ, hiện rõ sự ngu si. Hoặc miệng nói ra toàn những lời tệ ác, xấu xa. Hoặc miệng nói ra những tham muốn, ố nhiễm. Hoặc ôm lòng giận dữ nên nói lời hung bạo. Hoặc mê muội nên miệng nói lời lẫn thẩn, si mê. Hoặc giữ gìn tâm tánh thanh tịnh, điều hòa với lời nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Hoặc miệng nói lời tốt đẹp, tâm tánh không hại người. Hoặc miệng nói lời nhu hòa, tâm tánh an ổn, lời nói được thanh tịnh. Hoặc người thân, miệng, ý không tương ứng... thì Thiên nhĩ thông sẽ nghe được rõ ràng không bị ngăn ngại. Dùng Thiên nhĩ này nghe những điều nhân từ và không nhân từ. Đối với hai thứ ấy đều không còn chấp trước. Tai nghe tiếng xấu ác cũng không lo sợ, thường khởi tâm Từ bi rộng lớn thương xót chúng sinh. Nếu nghe tiếng thô ác thì đem đến cho họ lòng Từ vô cùng. Biết rõ những hạnh nghiệp của tất cả chúng sinh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, luôn thấu đạt đúng đắn. Dùng Thiên nhĩ nghe được tất cả các pháp mà chư Phật trong mười phương đã thuyết giảng, liền thọ trì, nhớ nghĩ không quên. Nghe được rồi nên luôn luôn ưa thích đạo pháp. Quán xét thuận hợp với căn cơ để giáo hóa chúng sinh, khiến họ đều được nghe, không chỉ một lần, mà nghe pháp của Như Lai dần dần được mở bày, thọ trì, không thể bị phương hại, dứt bỏ, khiến tâm thoái lui, bị quên mất. Lại khi thực hành bản nguyện, hàng Bồ-tát đều theo từ giáo pháp của chư Phật đã khai mở mà phụng trì đạo. Bao nhiêu chúng hội thuyết pháp, hết thấy những chúng sinh đã được nghe đều có thể diễn nói giáo pháp mình đã lãnh hội một cách tự nhiên. Nếu những chúng sinh nghe biết được nghĩa lý nơi kinh điển thì nên giảng nói pháp cho họ. Nếu người không hiểu được ý nghĩa nơi kinh điển thì nhất định không nên giảng nói. Giả sử người có nhĩ căn bản lãnh hội được pháp giới thanh tịnh thì sẽ có nhĩ giới của Thánh tuệ thanh tịnh. Giả sử người có nhĩ giới tự nhiên thanh tịnh thì chúng sinh cũng được thanh tịnh. Nếu xem xét nhĩ giới tùy theo âm thanh, văn tự, ngôn từ, nghĩa lý thì Bồ-tát đều có thể nghe rõ. Tất cả chúng sinh vào năm đường, được Bồ-tát truyền bao nhiêu âm thanh, lời nói chẳng đồng không thể kể hết. Tùy âm thanh thông suốt mà có thể hội nhập để thuyết pháp. Sự nghe của Thiên nhĩ đều từ chân đế, đều do “đạo nhĩ” của Như Lai hỗ trợ, khuyến giúp, không ưa thích các thừa khác. Đó là Thiên nhĩ thần thông không cùng tận của Bồ-tát.



